

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: *162* /BC-UBNDCà Mau, ngày *14* tháng 6 năm 2022**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm
và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH****1. Tổ chức chỉ đạo, điều hành**

Công tác cải cách hành chính được quan tâm, chỉ đạo thường xuyên trên tất cả các lĩnh vực. Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức Hội nghị kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành kinh tế - xã hội và công tác cải cách hành chính; đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh¹.

Nhằm khích lệ, động viên doanh nghiệp, doanh nhân trong phong trào thi đua sản xuất - kinh doanh, tri ân các doanh nghiệp đã có nhiều đóng góp trong công tác an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, UBND tỉnh đã tổ chức họp mặt doanh nghiệp năm 2022 với sự tham gia của 350 doanh nghiệp, doanh nhân. Tại buổi họp mặt, Lãnh đạo tỉnh đã trao chứng nhận đầu tư đối với 13 doanh nghiệp, tặng hoa tri ân cho một số nhà đầu tư tiềm năng đang tìm hiểu đầu tư tại Cà Mau, tri ân doanh nghiệp đóng góp trong công tác an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, trao chứng nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lý sản phẩm tôm sú Cà Mau đối với 04 doanh nghiệp.

Vừa qua, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh phối hợp với VNPT Cà Mau tổ chức Hội nghị chuyển đổi số doanh nghiệp và ký kết thỏa thuận hợp tác hỗ trợ chuyển đổi số

¹ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 07/4/2022 về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Cà Mau; Quyết định số 2942/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh Cà Mau; Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 về phê duyệt Phương án điều tra xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Cà Mau; Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 công bố triển khai thực hiện thí điểm tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thành phố theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 637/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh; Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh Cà Mau; Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 24/12/2021 về phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 24/01/2022 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh Cà Mau; Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 28/01/2022 về triển khai thực hiện Đề án phát triển Ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 31/3/2022 về việc kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh Cà Mau; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 23/5/2022 tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; thảo luận giải pháp cải thiện Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Cà Mau...

doanh nghiệp giai đoạn 2022 - 2025, với sự tham gia của hơn 100 danh nghiệp. Tại Hội nghị, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh ra mắt website của Hiệp hội doanh nghiệp, đây là kênh thông tin kết nối các doanh nghiệp, giải đáp thắc mắc của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời là cầu nối giữa doanh nghiệp với lãnh đạo tỉnh. Từ đó, lãnh đạo tỉnh có thể nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để tháo gỡ kịp thời; tạo môi trường kinh doanh thông thoáng cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Với sự chỉ đạo tập trung, quyết liệt, tính đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã hoàn thành 21/40 nhiệm vụ, đạt 52,5% theo Kế hoạch đề ra, các nhiệm vụ còn lại đang triển khai thực hiện trong thời hạn quy định.

2. Công tác tuyên truyền

Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính được thực hiện bằng nhiều hình thức thích hợp như: tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; treo băng rôn; tọa đàm, đối thoại, sân khấu hóa và sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật; thông qua các cuộc họp giao ban... Cụ thể:

Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau đã phát sóng 288 đề tài về cải cách hành chính² với tổng thời lượng là 25 giờ 5 phút, thực hiện chương trình tọa đàm “Vấn đề bạn quan tâm” với thời lượng 03 giờ; Báo Cà Mau đã đăng trên 18 tin, bài về cải cách hành chính.

Văn phòng UBND tỉnh đã phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau thực hiện 05 kỳ diễn đàn “Dân hỏi - Lãnh đạo cơ quan Nhà nước trả lời” với các chủ đề phong phú, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh³. Chương trình được phát trực tiếp trên sóng truyền hình, Fanpage và kênh Youtube của Đài, kết quả đã nhận được trên 90.000 lượt tương tác với người dân, trong thời gian trực tiếp chương trình. Qua chương trình đã lắng nghe, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của người dân; từ đó, giúp cơ quan nhà nước đưa ra được những cách làm hiệu quả hơn nữa trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực được giao phụ trách. Đồng thời, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố thường xuyên cập nhật, đăng tải tin, bài, văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính nói riêng và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung.

² Các đề tài như: Triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính; Cà Mau ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số năm 2022; xây dựng hình ảnh chính quyền gần dân; Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố; số hóa nền hành chính tạo tiện ích cho người dân và doanh nghiệp; ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng; tập huấn trực tuyến về kỹ năng thương mại điện tử; 24 loại văn bản điện tử không gửi kèm văn bản giấy giữa các cơ quan hành chính nhà nước; nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính ngay đầu năm; chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; cải cách hành chính đầu ấn năm 2021; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý mẫu xét nghiệm COVID-19; nỗ lực cải cách hành chính tạo đột phá trong thu hút đầu tư; vận hành tổng đài thông tin dịch vụ công 1022; Việt Nam có 64.000 doanh nghiệp công nghệ số; PC-Covid có thêm tính năng tự động cảnh báo nguy cơ người dùng tiếp xúc F0; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục - đào tạo; phát huy ứng dụng Zalo trong bệnh viện dã chiến; ứng dụng Zalo vào bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; triển khai các hoạt động thương mại điện tử...

³ Các chủ đề như: Hỗ trợ người lao động từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp; chăm lo vui Tết an toàn, ấm no; tiếp cận vốn vay để phục hồi phát triển sản xuất; hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho người nhiễm COVID-19; đánh giá xếp loại các cấp học trong năm 2021 - 2022.

Bên cạnh đó, để công tác tuyên truyền cải cách hành chính lan rộng đến từng người dân bằng hình thức thích hợp, gần gũi, dễ hiểu, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng chấp cải lương tuyên truyền việc giải quyết thủ tục hành chính qua hình thức trực tuyến, tuyên truyền tổng đài tư vấn, hỗ trợ trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác kiểm tra

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 31/3/2022 về việc kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh Cà Mau. Đến thời điểm báo cáo, Đoàn kiểm tra đã thực hiện việc kiểm tra công tác cải cách hành chính đối với UBND huyện Phú Tân và UBND huyện Năm Căn, đạt 22,22% so với kế hoạch đề ra.

Qua kiểm tra cho thấy đơn vị được kiểm tra đã cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên để triển khai thực hiện tại đơn vị; công khai số điện thoại đường dây nóng đúng quy định; thực hiện tốt công tác rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn huyện; thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy... Bên cạnh đó, vẫn còn trường hợp rà soát văn bản quy phạm pháp luật chưa đúng quy trình; chưa có hồ sơ phát sinh về chứng thực bản sao điện tử; số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn chậm; tinh giản biên chế chưa đạt kế hoạch được giao; không phát sinh hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 07/01/2022 về công tác xây dựng, ban hành; tự kiểm tra, kiểm tra và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022. Từ đầu năm đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh cho chủ trương ban hành 37 văn bản quy phạm pháp luật (17 văn bản từ năm 2021 chuyển sang), dừng 01 văn bản quy phạm pháp luật. Tính đến thời điểm báo cáo, UBND tỉnh đã ban hành 17/36 văn bản quy phạm pháp luật, tỷ lệ 47,22%, các văn bản còn lại đang được xây dựng trong thời hạn quy định.

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản được thực hiện đúng quy định. Trong kỳ báo cáo, tỉnh đã tự kiểm tra 16 văn bản, kết quả phù hợp; kiểm tra theo thẩm quyền 28 văn bản, có 01 văn bản không phù hợp⁴ (không phù hợp về hiệu lực thi hành của văn bản), đã hoàn thành việc xử lý; rà soát 432 văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh, có 65 văn bản cần phải xử lý, đến thời điểm báo cáo đã xử lý xong 40 văn bản, còn 25 văn bản đang xử lý.

Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 26/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh. Theo đó, công tác theo dõi, thi hành pháp luật đang được tỉnh triển khai thực hiện với 03 nội dung: thu thập, xử lý thông tin; đánh giá và điều tra, khảo sát tình hình thi

⁴ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND huyện Ngọc Hiển ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Phòng Tư pháp huyện Ngọc Hiển.

hành pháp luật. Đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh đối với 38 văn bản, trong đó: Hết hiệu lực toàn bộ 35 văn bản (06 nghị quyết, 29 quyết định), hết hiệu lực một phần 03 quyết định.

2. Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

2.1. Cải cách thủ tục hành chính

a) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 26 quyết định công bố 346 thủ tục hành chính⁵; công khai 295 thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đến nay, số thủ tục hành chính đang thực hiện tại các cấp trên địa bàn tỉnh là 1.984 thủ tục, trong đó: cấp tỉnh là 1.506 thủ tục, cấp huyện là 315 thủ tục và cấp xã là 163 thủ tục (chưa bao gồm thủ tục hành chính ngành dọc).

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, UBND huyện Phú Tân và UBND thành phố Cà Mau đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết đối với 183 thủ tục hành chính. Trong đó, UBND huyện Phú Tân có 45 thủ tục hành chính cắt giảm từ 20% - 50% thời gian giải quyết; UBND thành phố Cà Mau có 138 thủ tục hành chính cắt giảm từ 30% - 75% thời gian giải quyết. Đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết đối với 195 thủ tục hành chính, từ 20% - 66% khi công bố thủ tục hành chính; tính đến nay, tỉnh Cà Mau có 1.362 thủ tục hành chính được cắt giảm từ 20% thời gian giải quyết trở lên.

Để kịp thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong bối cảnh tình hình dịch COVID-19, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo điều chỉnh, thiết lập lại Tổng đài thông tin dịch vụ công 1022 phục vụ tư vấn, hỗ trợ, cung cấp thông tin phòng, chống dịch COVID-19 và dịch vụ công trên địa bàn tỉnh. Trong kỳ báo cáo, Tổng đài đã tiếp nhận, giải đáp 28 cuộc gọi của người dân liên quan đến thủ tục hành chính, dịch vụ công theo quy định.

Đồng thời, UBND huyện Ngọc Hiển tổ chức Hội nghị đối thoại với người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính, quy định thủ tục hành chính, với sự tham gia của 39 đại biểu. Tại buổi đối thoại, có 25 ý kiến đặt ra, trả lời tại Hội nghị 24 ý kiến, còn 01 ý kiến đang trong quá trình xác minh, làm rõ. Trong kỳ báo cáo, đã tiếp nhận 18 phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, số điện thoại đường dây nóng; kết quả đã trả lời tất cả các phản ánh, kiến nghị và công khai theo quy định.

b) Công khai thủ tục hành chính

Tất cả thủ tục hành chính đang thực hiện tại các cấp trên địa bàn tỉnh được cập nhật, đăng tải kịp thời, đúng quy định trên Cơ sở Dữ liệu quốc gia và Cổng

⁵ 224 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; 71 thủ tục hành chính mới ban hành và 51 thủ tục hành chính bị bãi bỏ, hủy bỏ.

Thông tin điện tử tỉnh. Đồng thời, từng cơ quan, đơn vị thực hiện việc niêm yết công khai thủ tục hành chính trên Trang Thông tin điện tử (đối với các đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện); niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả (riêng đối với các đơn vị cấp tỉnh thì niêm yết tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh). Qua kiểm tra, theo dõi, các đơn vị thực hiện việc công khai thủ tục hành chính trên Trang Thông tin điện tử và Bộ phận Một cửa đảm bảo theo quy định.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

a) Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

Để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi tham gia giải quyết thủ tục hành chính, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 công bố triển khai thực hiện thí điểm tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính đối với 19 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thành phố theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh. Theo đó, cá nhân, tổ chức có thể lựa chọn, nộp hồ sơ tại bất kỳ Bộ phận Một cửa các huyện, thành phố, không nhất thiết phải nộp hồ sơ tại đơn vị có thẩm quyền giải quyết. Bên cạnh đó, việc giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính do Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tiếp tục phát huy hiệu quả, có 912 hồ sơ (618 hồ sơ đất đai, có 281 hồ sơ đăng ký kinh doanh và 13 hồ sơ xây dựng) thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện được tiếp nhận tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh thực hiện tiếp nhận và trả kết quả cho 22 đơn vị cấp tỉnh với 1.572 thủ tục (trong đó, có 1.497 thủ tục của 18 sở, ban, ngành tỉnh; 48 thủ tục của 02 đơn vị ngành dọc gồm: công an, bảo hiểm; 27 thủ tục của Công ty điện lực và Công ty Cổ phần cấp nước Cà Mau). Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đối với 83 thủ tục hành chính chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện (lĩnh vực tài nguyên và môi trường, xây dựng, đăng ký kinh doanh).

Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã: bên cạnh việc tiếp nhận thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định, Bộ phận Một cửa cấp huyện còn tiếp nhận thêm 14 thủ tục hành chính ngành dọc (công an và bảo hiểm xã hội), 27 thủ tục của Công ty điện lực và Công ty cổ phần cấp nước Cà Mau.

Đồng thời, thực hiện quy trình “04 tại chỗ” (gồm tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả) đối với 125 thủ tục hành chính, trong đó: 101 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của 08 đơn vị cấp tỉnh⁶; 24 thủ tục hành chính

⁶ 09 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Sở Tài nguyên và Môi trường, 03 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Sở Tài chính, 66 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Sở Kế hoạch và Đầu tư, 11 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Sở Công Thương, 02 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Sở Giáo dục và Đào tạo, 04 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Sở Tư pháp, 05 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Sở Y tế và 01 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Bảo hiểm xã hội tỉnh.

thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ phận Một cửa cấp huyện⁷. Kết quả, Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính đã giải quyết 1.297 hồ sơ, Bộ phận Một cửa cấp huyện đã giải quyết 224 hồ sơ.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

Nhằm đẩy mạnh thực hiện công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã tổ chức 13 lớp tập huấn (11 lớp tập huấn cho đối tượng cán bộ, công chức cấp huyện, xã; 02 lớp tập huấn cho đối tượng công chức sở, ban, ngành tỉnh), với 1.212 lượt người tham dự; từ đó, giúp cán bộ, công chức, viên chức tiếp cận đầy đủ các quy định, quy trình thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Kết quả, cấp tỉnh có 5.180 hồ sơ số hóa, đạt 21,96% (chỉ tiêu đề ra là 50%); cấp huyện có 4.575 hồ sơ số hóa, đạt 11% (chỉ tiêu đề ra là 40%); cấp xã có 1.268 hồ sơ, đạt 2,02% (chỉ tiêu đề ra là 35%). Đồng thời, đã triển khai chứng thực bản sao điện tử trên địa bàn tỉnh, đáp ứng tất cả các điều kiện đảm bảo thực hiện.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 28/01/2022 về triển khai thực hiện Đề án phát triển Ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Kết quả, hoàn thành triển khai thử nghiệm 03/03 dịch vụ kết nối chia sẻ về xác nhận số định danh cá nhân và căn cước công dân, xác thực thông tin hộ gia đình, tra cứu thông tin công dân; tổ chức thu nhận cấp tài khoản định danh điện tử cho 31.205 trường hợp; triển khai thí điểm khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip điện tử trên địa bàn tỉnh đối với 10 Bệnh viện, 04 Trung tâm y tế huyện, thành phố Cà Mau, 12 Phòng khám đa khoa tư nhân thực hiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng căn cước công dân gắn chip điện tử. Đồng thời, Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, huyện Phú Tân, huyện Thới Bình bảo đảm yêu cầu về thiết bị, đường truyền, thiết bị bảo mật tường lửa để đưa thủ tục hành chính lĩnh vực căn cước công dân thực hiện tại Bộ phận Một cửa. Bộ phận Một cửa cấp xã đã sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh có kết nối với Cơ sở Dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính dưới hình thức phân quyền sử dụng cho cán bộ trên hệ thống máy chủ lưu trữ tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh.

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt. Ngày 16/11/2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2500/QĐ-UBND ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, toàn tỉnh có 92 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công mức độ 3; 254 thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công mức độ 4.

⁷ 03 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện Năm Căn, 08 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện Phú Tân, 06 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện U Minh và 07 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố Cà Mau.

Đến nay, có 346 dịch vụ công đã tích hợp, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt 100% số thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến; cấp tỉnh có 8.051/14.981 hồ sơ nộp trực tuyến, tỷ lệ trên 53,74% (không bao gồm hồ sơ ngành dọc). Đồng thời, tỉnh đã hoàn thành việc cung cấp thanh toán trực tuyến đối với 37 thủ tục đất đai, còn 270 thủ tục đang trong giai đoạn hoàn thiện để đưa vào thực hiện; từ đầu năm đến nay, có 492 giao dịch thanh toán trực tuyến trên nền tảng thanh toán trực tuyến tập trung quốc gia.

c) Việc thực hiện dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Toàn tỉnh hiện có 1.400 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; 1.400 thủ tục hành chính thực hiện trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích. Trong 6 tháng đầu năm, số hồ sơ tiếp nhận qua bưu chính công ích là 9.663 hồ sơ; số hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích là 165.288 hồ sơ.

d) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (kể cả hồ sơ của ngành dọc)

TT	Đơn vị	Số hồ sơ phải xử lý	Trong đó hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ còn trong hạn giải quyết	Số hồ sơ đã trả kết quả				
					Tổng số	Hồ sơ trả kết quả sớm và đúng hạn	Tỷ lệ	Hồ sơ trả kết quả trễ hạn	Tỷ lệ
I	Cấp tỉnh	159.095	104.435	6.405	152.690	152.688	99,99%	02	0,01%
II	Cấp huyện	50.273	0	4.735	45.538	45.531	99,99%	07	0,01%
III	Cấp xã	69.901	0	594	69.307	69.244	99,91%	63	0,09%

(Kết quả cụ thể của từng đơn vị được nêu tại Phụ lục 2 kèm theo)

Với kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trung bình đạt trên 98%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Tỉnh hiện có 18 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và 105 cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị đang thực hiện việc rà soát, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Kết quả, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định thành lập Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh; sắp xếp các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế, từ 06 phòng còn 05 phòng chuyên môn, nghiệp vụ; sắp xếp lại tổ chức của Trung tâm Phân tích, kiểm nghiệm, từ 03 phòng còn 02 phòng chuyên môn; giải thể 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp thuộc các huyện, thành phố Cà Mau, chuyển nhiệm vụ về Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc thực hiện (từ ngày 01/01/2022); trên cơ sở sắp xếp, tỉnh đã giảm 09 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021 (năm 2021 có 608 đơn vị, hiện tại có 599 đơn vị); giảm 106 đơn vị so với năm 2015, tỷ lệ 15,04%.

Trong kỳ báo cáo, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 09 đơn vị sự nghiệp công lập, gồm: Trung tâm Phân tích, kiểm nghiệm tỉnh; Trung tâm Quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh; Trung tâm Huân luyện, đào tạo và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh; Bảo tàng tỉnh; Trung tâm Văn hóa tỉnh; Đoàn Nghệ thuật Khmer; Thư viện tỉnh; Đoàn Cải lương Hương Tràm; Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.

Công tác quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc thực hiện đúng với chỉ tiêu được Bộ Nội vụ giao năm 2022, cụ thể: 2.032 biên chế công chức, tăng 07 biên chế so với năm 2021 do Bộ Nội vụ giao bổ sung biên chế cho Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, giảm 277 biên chế công chức so với năm 2015, tỷ lệ 12%; giao 19.847 số lượng người làm việc, giảm 364 người so với năm 2021, giảm 2.635 người so với 2015, tỷ lệ 11,72%. Số lượng công chức hiện có là 1.815 công chức và 18.026 viên chức.

Nhằm nâng cao tính chủ động cho các địa phương trong thực hiện việc quản lý nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh đã quyết định phân cấp một số nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố như: tổ chức bộ máy; quản lý công chức, viên chức; xây dựng; thu, chi ngân sách; quản lý tàu cá... Công tác thanh tra, kiểm tra các nhiệm vụ phân cấp được các sở, ban, ngành tỉnh quan tâm thực hiện đạt mục tiêu đề ra trong phân cấp nhiệm vụ, đạt hiệu quả trong quá trình thực hiện. Từ đó, kịp thời phát hiện những sai phạm trong thực hiện phân cấp (nếu có), mang lại hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm

Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án vị trí việc của tất cả các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Kết quả, số lượng công chức được bố trí đúng theo đề án vị trí việc làm là 1.759/1.815, đạt 96,92%; số lượng viên chức được bố trí đúng theo đề án vị trí việc làm là 17.788/18.026, đạt 98,68%. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ công chức, viên chức; đến ngày 31/12/2022, đảm bảo 100% công chức, viên chức được bố trí đúng đề án vị trí việc làm.

Trong những tháng đầu năm, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức UBND huyện Ngọc Hiển. Đồng thời, phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của 10 đơn vị⁸ theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

⁸ Trung tâm Khuyến công trực thuộc Sở Công Thương; Bảo tàng tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bệnh viện Mắt - Da liễu trực thuộc Sở Y tế; Hạt quản lý đê điều; Trung tâm giống nông nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ: Biển Tây, Đầm Dơi, Đất Mũi, Kiến Vàng, Tam Giang trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Nhằm nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh, tỉnh đã thực hiện kiểm tra công vụ đối với 08 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; qua kiểm tra cho thấy các cơ quan, đơn vị được kiểm tra thực hiện tốt chế độ công vụ theo quy định.

b) Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, kết quả, số lượng lãnh đạo cấp sở, cấp phòng thực hiện đảm bảo quy định.

Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định bổ nhiệm 06 trường hợp, điều động, bổ nhiệm 02 trường hợp, bổ nhiệm lại 06 trường hợp, nghỉ hưu 04 trường hợp; thông báo nghỉ hưu 03 trường hợp; kéo dài thời gian giữ chức vụ 01 công chức; công nhận kết quả xét nâng ngạch 01 công chức từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính; tinh giản biên chế năm 2022 đối với 63 trường hợp.

Công tác tuyển dụng được thực hiện đúng quy định, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 31/03/2022 ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức tỉnh Cà Mau năm 2022, nhu cầu tuyển dụng công chức năm 2022 của tỉnh là 92 chỉ tiêu; đến nay, đã nhận 745 phiếu đăng ký dự tuyển của các thí sinh dự thi; đang thực hiện quy trình tiếp theo theo quy định.

c) Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các Quyết định như: Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 phê duyệt kế hoạch đào tạo, khuyến khích đào tạo sau đại học và Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022 của tỉnh Cà Mau; Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 phê duyệt Kế hoạch đào tạo giáo viên mầm non tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Kết quả, tỉnh đã cử 22 viên chức đi học sau đại học; 01 công chức tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra viên cao cấp.

Thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện đạt chuẩn theo quy định chiếm tỷ lệ 99,02%; cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở đạt chuẩn theo quy định chiếm 100%; lãnh đạo cấp phòng đạt chuẩn theo quy định chiếm 100%; cán bộ chuyên trách cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ chiếm 100%; công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ chiếm 100%.

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Chủ tịch

UBND tỉnh quyết định phê duyệt 06 Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại một số đơn vị⁹; thanh lý, điều chuyển tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của 24 đơn vị¹⁰.

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh Cà Mau năm 2022. Đồng thời, quyết định giao dự toán thu ngân sách cho Cục Thuế và các huyện, thành phố Cà Mau theo quy định tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 04/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa X, Kỳ họp thứ Tư; phê duyệt dự toán Mua sắm xe ô tô phục vụ đề án xe công theo quy định.

Việc đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện đúng quy định. Cụ thể, toàn tỉnh hiện có 238 cơ quan hành chính được giao thực hiện chế độ tự chủ, đạt tỷ lệ 100% (cấp tỉnh 32 đơn vị, cấp huyện 105 đơn vị, cấp xã 101 đơn vị); có 599 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; trong đó: 04 đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 31 đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; 269 đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 295 đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Nhằm đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 theo quy định tại Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Theo đó, Chương trình đưa ra 04 nội dung cần tiết kiệm, chống lãng phí trên tất cả các lĩnh vực, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực như: quản lý, sử dụng kinh phí thường xuyên của ngân sách nhà nước năm 2022; quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước do đơn vị làm chủ đầu tư; quản lý, sử dụng lao động và thời gian làm việc.

6. Hiện đại hóa hành chính

Hạ tầng kỹ thuật được tỉnh quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, phục vụ tốt công tác quản lý các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Vừa qua, tỉnh đã đầu tư Trung tâm dữ liệu dự phòng, sẵn sàng thay thế khôi phục hoạt động bình thường các hệ thống thông tin của tỉnh nếu trung tâm dữ liệu chính gặp

⁹ Vườn Quốc gia U Minh Hạ; Ban Quản lý rừng phòng hộ Tam Giang trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; Bệnh viện đa khoa khu vực Trần Văn Thời trực thuộc Sở Y tế; Trung tâm Kỹ thuật đo lường chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Trường THCS Tân Hưng Tây trực thuộc UBND huyện Phú Tân; Trường THPT Sông Đốc trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

¹⁰ Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Thủy sản, Ban Quản lý rừng phòng hộ Đất Mũi, Đoàn Cải lương Hương Tràm, Bệnh viện đa khoa Năm Căn, 03 đơn vị trực thuộc UBND huyện Trần Văn Thời, 06 đơn vị trực thuộc UBND huyện Đầm Dơi, 01 đơn vị trực thuộc UBND huyện Thới Bình, 05 đơn vị trực thuộc UBND huyện Cái Nước, 02 đơn vị trực thuộc UBND thành phố Cà Mau, 02 đơn vị trực thuộc UBND huyện Năm Căn.

sự cố về an toàn thông tin mạng. Trung tâm dữ liệu đã được Tổ chức Chứng nhận DAS đánh giá phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013. Đồng thời, triển khai bước đầu dựa trên nền tảng 4G cho phép các thiết bị cảm biến đặt ở các địa điểm khác nhau trên địa bàn tỉnh có thể đo mực nước, độ mặn, pH, TDS, NO₂... truyền thời gian thực về Trung tâm dữ liệu của tỉnh để lưu trữ và xử lý, phục vụ tốt công tác quản lý trên lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Hiện nay, tỉnh đang sử dụng, khai thác khoảng 142 phần mềm, hệ thống thông tin tại các cơ quan, đơn vị nhà nước trên địa bàn tỉnh; trong đó: 60 phần mềm, hệ thống thông tin do tỉnh triển khai thực hiện, 82 phần mềm, hệ thống thông tin được tích hợp, sử dụng trên cơ sở triển khai của các cơ quan trung ương.

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (iOffice) tiếp tục được phát triển hoàn thiện và triển khai mở rộng đến nhiều đơn vị sử dụng; đáp ứng đầy đủ tính năng gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước và liên thông được 4 cấp chính quyền (từ Trung ương đến cấp xã). Đến nay, đã triển khai đến 655 cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau, với hơn 10.825 tài khoản người dùng; có 254 đơn vị trên địa bàn có thể kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia. Kết quả như sau:

TT	Đơn vị	Tỉ lệ xử lý văn bản đến trên hệ thống (%)	Tỉ lệ xử lý văn bản đi trên hệ thống (%)	Tỉ lệ CB, CC sử dụng hệ thống thường xuyên (%)
1	Cấp tỉnh	100	100	100
2	Cấp huyện	99	98	100
3	Cấp xã	98	87	97

(Kết quả cụ thể của từng đơn vị được nêu tại Phụ lục 3 kèm theo)

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, tỉnh đã triển khai thực hiện ứng dụng Chính quyền điện tử tỉnh Cà Mau (CaMau-G) tích hợp các phân hệ, tiện ích phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, giúp người dân nắm bắt nhanh chóng các quy định của pháp luật, các thông tin chỉ đạo, điều hành, các thông báo khẩn cấp từ cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, người dân có thể gửi phản ánh hiện trường các vụ việc trên địa bàn tỉnh đến cơ quan quản lý nhà nước tiếp nhận và xử lý, hạn chế tối đa thiệt hại cho người dân chỉ vì thiếu thông tin hoặc thông tin chưa được nắm bắt gây ra; từ đó, người dân dễ dàng tiếp cận các hệ thống thông tin, các ứng dụng trong kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh.

Bên cạnh đó, Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Cà Mau (thành lập từ tháng 3/2021) đạt được một số hiệu quả đáng ghi nhận như: có 57 doanh nghiệp,

thương nhân tham gia kênh người bán, 303 sản phẩm được trưng bày trên Sàn giao dịch thương mại điện tử. Từ những hiệu quả mang lại của Sàn giao dịch đã góp phần đưa những sản phẩm đặc sản của tỉnh đến với người dân trong và ngoài nước.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt làm được

- Có 05 chỉ tiêu thực hiện đạt và vượt Kế hoạch Cải cách hành chính đề ra, 09 chỉ tiêu đang thực hiện trong thời hạn quy định (*nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục 4 kèm theo*).

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh có sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt trong công tác cải cách hành chính; công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát được tăng cường; ý thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính từng bước được nâng lên.

- Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tăng 11 bậc so với năm 2020 (năm 2020 xếp hàng 43, năm 2021 xếp hạng 32).

- Công tác gặp gỡ, đối thoại kết hợp biểu dương, tri ân nhà đầu tư, doanh nghiệp được Lãnh đạo tỉnh chú trọng thực hiện kịp thời, đã biểu dương, tri ân đối với 60 doanh nghiệp đang kinh doanh trên địa bàn tỉnh và 19 nhà đầu tư tiềm năng, đang tìm hiểu tại Cà Mau; góp phần thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Công tác cải cách thể chế trên địa bàn tỉnh được thực hiện thường xuyên, hiệu quả; kịp thời phát hiện những văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp thông qua công tác kiểm tra, rà soát. Từ đó, kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế những văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp; nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh luôn lấy người dân làm trung tâm, sự hài lòng của người dân làm mục tiêu thực hiện; từ đó, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng lên, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn và trước hạn cho tổ chức, cá nhân ở cấp tỉnh đạt 99,99%, cấp huyện đạt 99,99%, cấp xã đạt 99,91%; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trung bình đạt 98%.

- Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh (giảm 10 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021); kịp thời quy định chức năng, nhiệm vụ, xây dựng đề án vị trí việc làm của các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Qua đó, giúp các đơn vị tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Công tác tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng lên về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng hành chính thông

qua việc đổi mới công tác, đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm.

- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện hiệu quả; cơ chế tự chủ trong đơn vị sự nghiệp công lập ngày càng được quan tâm thực hiện theo hướng giảm dần chi ngân sách cho đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính được triển khai mạnh trên địa bàn tỉnh; nhiều Hệ thống, phần mềm được triển khai thực hiện trong công tác quản lý nhà nước, trao đổi công việc giữa các cơ quan, đơn vị nhằm mục tiêu giảm tối thiểu hồ sơ giấy (trừ hồ sơ mật) được triển khai hiệu quả, đạt 99%.

2. Hạn chế, khó khăn và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, khó khăn

- Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2021 của tỉnh giảm so với năm 2020. Xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu như sau: Một số lãnh đạo sở, ngành, UBND huyện, thành phố đánh giá chưa cao việc thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và công tác phân cấp của tỉnh; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh bị tụt giảm...

- Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự quan tâm sâu sát trong triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; chưa mạnh dạn đề xuất UBND tỉnh nhiều sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong công tác cải cách hành chính do còn bị động, có tâm lý trông chờ vào sự chỉ đạo của cấp trên.

- Vẫn còn một số đơn vị chưa chủ động trong công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật khi văn bản nguồn thay đổi. Từ đó, ảnh hưởng đến việc ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật không phù hợp chưa kịp thời; một số đơn vị xử lý những văn bản không phù hợp được phát hiện qua công tác kiểm tra, rà soát còn chậm.

- Tỷ lệ tinh giản biên chế đạt thấp, chưa đạt kế hoạch đề ra; công tác đánh giá cán bộ, công chức chưa thật sự bảo đảm tính khách quan, vẫn còn trường hợp nể nang, ngại va chạm. Từ đó, chưa thực hiện được tinh giản biên chế đối với những công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ.

- Vẫn còn trường hợp bố trí công chức, viên chức chưa đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt (công chức, chiếm 3,08%, viên chức chiếm 1,32%).

- Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên lớn, dẫn đến gánh nặng chi ngân sách. Việc thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập có cải tiến nhưng vẫn còn chậm, chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá.

- Việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến cấp huyện, cấp xã thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia chưa đảm bảo theo quy định về kỹ thuật, quy trình thực hiện nên Cổng Dịch vụ công quốc gia không ghi nhận hồ sơ trực tuyến cho cấp huyện, cấp xã. Việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử và số hóa hồ sơ cấp huyện, cấp xã còn chậm, chưa đúng tiến độ theo quy định. Việc sử dụng chữ ký số thường xuyên còn hạn chế.

2.2. Nguyên nhân

- Người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị thiếu kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở cấp dưới trong quá trình thực hiện công tác cải cách hành chính; chưa quyết liệt, chậm xử lý, khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được phát hiện, chỉ đạo xử lý.

- Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị chưa mạnh dạn sắp xếp, tinh giản biên chế đối với những công chức, viên chức chưa đúng đề án vị trí việc làm được phê duyệt; chưa thật sự khách quan trong đánh giá cán bộ công chức, tinh giản biên chế; quá trình đánh giá, xếp loại công chức hàng năm chưa thật sự công tâm, đánh giá chưa đúng thực chất.

- Người dân chưa quen sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại, nên chưa thật sự hiểu và yên tâm thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng; việc quy định phải sử dụng chữ ký số trong thực hiện giao dịch trực tuyến là trở ngại lớn nhất để người dân thực hiện.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tinh thần, trách nhiệm làm việc của một số cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

1. Triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả các văn bản, chỉ đạo của cấp trên về công tác cải cách hành chính. Thực hiện đạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Cà Mau.

2. Tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; thảo luận giải pháp cải thiện Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Cà Mau.

3. Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố.

4. Công bố kịp thời 100% thủ tục hành chính theo quy định; tiếp tục rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính nhưng phải đảm bảo tính khả thi, hiệu quả; rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và phạm vi giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã theo quy định.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện đạt hiệu quả việc chứng thực bản sao điện tử, số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hồ sơ trực tuyến... góp phần nâng cao mức độ

hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khi tham gia thực hiện thủ tục hành chính.

6. Khẩn trương sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/09/2020 của Chính phủ. Gắn sắp xếp bộ máy với tinh giản biên chế.

7. Thực hiện việc tuyển dụng công chức, viên chức đối với các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật. Đồng thời, thực hiện tốt công tác bổ nhiệm, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

8. Tập trung hoàn thành việc cổ phần hóa các đơn vị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tiếp tục rà soát, trình phê duyệt cổ phần hóa đối với những đơn vị đáp ứng yêu cầu. Đồng thời, tiếp tục quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công; tăng mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm chi trực tiếp ngân sách cho các đơn vị này.

9. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về dịch vụ công trực tuyến, bưu chính công ích bằng các hình thức phù hợp, hiệu quả, nhất là việc ứng dụng Zalo trong giải quyết thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt hiệu quả.

10. Thực hiện việc kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất công tác cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022 của tỉnh Cà Mau (gửi kèm Phụ lục 1, 2, 3, 4).

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Phòng CCHC (T);
- Lưu: VT. Lai(200).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

Phụ lục 1

THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 162/BC-UBND ngày 14 /6/2022 của UBND tỉnh Cà Mau)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 6 tháng đầu năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
I.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	107	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm	%	52,5	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm	40	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm	21	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan,	2	
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	57,14	
3.2.1.	Tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	7	
3.2.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	4	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm	36	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm	22	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm	0	
II.	Cải cách thể chế			
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	28	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	17	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	11	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	28	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	1	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	1	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	432	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	61,54	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	65	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	40	
III.	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	71	
1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	275	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.984	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh	Thủ tục	1.506	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục	315	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	163	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	336	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 6 tháng đầu năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	424	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	102	Cấp tỉnh: 83 TTHC; Cấp huyện: 19 TTHC
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	152.690	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	152.688	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	45.538	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	45.531	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,91	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	69.307	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	69.244	
IV.	Cải cách tổ chức bộ máy			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	83,33%	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	1	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	1	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan,	599	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan,	10	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan,	103	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan,	486	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	15,04	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.032	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1.815	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	5	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	6,7	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	19.847	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	18.026	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	58	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	6,9	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 6 tháng đầu năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
V.	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan,	30	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan,	599	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan,	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	26	
2.2.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyên thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	23	
2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	65	
VI.	Cải cách tài chính công			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	599	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	4	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	30	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	269	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	10	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	11	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	248	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	296	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII.	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành =	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp =	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành =	1	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	83,87	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Đơn vị tính	Báo cáo CCHC 6 tháng đầu năm 2022	
			Số liệu	Ghi chú
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	97,2	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	86,5	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	67,9	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	92	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	92	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	45	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	254	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	254	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	115	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	346	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	346	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh)	%	53,74	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	14.981	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	8.051	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	14,33	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	307	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	37	

STT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Số hồ sơ còn hạn xử lý
3	Xã Định Bình	759	759	0	0	758	0	1
4	Xã Hòa Tân	1.167	1.165	2	0	1.161	3	3
5	Xã Tắc Vân	658	654	4	0	656	0	2
6	Xã An Xuyên	97	97	0	0	96	0	1
7	Phường Tân Thành	1.138	1.137	1	0	1.137	0	1
8	Phường Tân Xuyên	566	563	3	0	564	0	2
9	Phường 1	185	185	0	0	184	0	1
10	Phường 2	1.478	1.477	1	0	1.477	0	1
11	Phường 4	1.062	1.056	6	0	1.052	4	6
12	Phường 5	9.783	9.779	4	0	9.783	0	0
13	Phường 6	2.098	2.088	10	0	2.090	0	8
14	Phường 7	49	49	0	0	47	2	0
15	Phường 8	719	710	9	0	716	1	2
16	Phường 9	296	285	11	0	272	8	16
17	Xã Tân Thành	68	54	14	0	54	0	14
II	Huyện Ngọc Hiển	4.225	4.217	8	0	4.212	4	9
1	Xã Viên An Đông	110	109	1	0	110	0	0
2	Xã Đất Mũi	512	512	0	0	511	1	0
3	Xã Tân Ân	220	219	1	0	217	0	3
4	Xã Tam Giang Tây	700	699	1	0	696	1	3
5	Xã Tân Ân Tây	482	478	4	0	478	2	2
6	Xã Viên An	221	221	0	0	221	0	0
7	Thị trấn Rạch Gốc	1.980	1.979	1	0	1.979	0	1
III	Huyện U Minh	5.793	5.657	136	0	5.725	2	66
1	Xã Khánh Thuận	1.034	997	37	0	1.034	0	0
2	Xã Khánh Hòa	1.055	1.047	8	0	1.044	0	11
3	Xã Khánh Tiến	768	743	25	0	737	0	31
4	Xã Khánh Hội	1.247	1.246	1	0	1.245	0	2
5	Xã Nguyễn Phích	755	748	7	0	750	1	4
6	Xã Khánh Lâm	241	235	6	0	237	0	4
7	Thị trấn U Minh	447	440	7	0	439	1	7
8	Xã Khánh An	246	201	45	0	239	0	7
IV	Huyện Đầm Dơi	6.885	6.816	69	0	6.781	8	96
1	Thị trấn Đầm Dơi	288	277	11	0	276	0	12
2	Xã Tân Thuận	178	178	0	0	167	1	10
3	Xã Tân Đức	814	813	1	0	809	0	5
4	Xã Trần Phán	273	268	5	0	272	0	1
5	Xã Tạ An Khương	346	346	0	0	342	0	4

STT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Số hồ sơ còn hạn xử lý
6	Xã Tạ An Khương Nam	1.579	1.576	3	0	1.577	2	0
7	Xã Tạ An Khương Đông	104	103	1	0	101	2	1
8	Xã Tân Duyệt	777	776	1	0	769	0	8
9	Xã Quách Phẩm	119	116	3	0	109	0	10
10	Xã Quách Phẩm Bắc	141	141	0	0	125	0	16
11	Xã Tân Tiến	474	468	6	0	469	2	3
12	Xã Thanh Tùng	463	458	5	0	444	0	19
13	Xã Ngọc Chánh	216	207	9	0	212	0	4
14	Xã Tân Trung	279	257	22	0	277	1	1
15	Xã Nguyễn Huân	213	213	0	0	213	0	0
16	Xã Tân Dân	621	619	2	0	619	0	2
V	Huyện Phú Tân	9.704	9.644	60	0	9.598	3	103
1	Thị trấn Cái Đôi Vàm	1.279	1.278	1	0	1.278	0	1
2	Xã Phú Mỹ	431	431	0	0	429	0	2
3	Xã Phú Tân	156	151	5	0	150	0	6
4	Xã Tân Hải	2.032	2.032	0	0	2.032	0	0
5	Xã Việt Thắng	561	525	36	0	511	1	49
6	Xã Tân Hưng Tây	2.952	2.948	4	0	2.920	1	31
7	Xã Nguyễn Việt Khải	887	877	10	0	873	1	13
8	Xã Phú Thuận	1.219	1.219	0	0	1.219	0	0
9	Xã Rạch Chèo	187	183	4	0	186	0	1
VI	Huyện Thới Bình	4.723	4.652	71	0	4.676	5	42
1	Thị trấn Thới Bình	295	295	0	0	295	0	0
2	Xã Biển Bạch	59	59	0	0	56	0	3
3	Xã Biển Bạch Đông	830	806	24	0	829	1	0
4	Xã Tân Bằng	117	114	3	0	106	2	9
5	Xã Trí Phải	67	66	1	0	64	1	2
6	Xã Trí Lực	317	317	0	0	315	1	1
7	Xã Tân Phú	1.000	993	7	0	993	0	7
8	Xã Thới Bình	192	159	33	0	180	0	12
9	Xã Tân Lộc	645	643	2	0	643	0	2
10	Xã Tân Lộc Bắc	844	844	0	0	841	0	3
11	Xã Tân Lộc Đông	254	254	0	0	252	0	2
12	Xã Hồ Thị Kỳ	103	102	1	0	102	0	1
VII	Huyện Cái Nước	8.734	8.706	28	0	8.705	5	24
1	Thị trấn Cái Nước	470	469	1	0	462	0	8
2	Xã Thạnh Phú	534	534	0	0	534	0	0
3	Xã Lương Thế Trân	1.059	1.059	0	0	1.058	0	1
4	Xã Phú Hưng	428	428	0	0	428	0	0



Phụ lục 2

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 162/BC-UBND ngày 14/6/2022 của UBND tỉnh Cà Mau)

I. CẤP TỈNH

TT	Đơn vị	Số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ xử lý đúng và trước hạn	Hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn hạn xử lý
1	Sở Thông tin và Truyền thông	18	18	0	0	14	0	4
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	505	444	61	3	485	0	20
3	Sở Nội vụ	842	822	20	0	835	0	7
4	Sở Tư pháp	2.593	2.592	1	531	2.592	0	1
5	Sở Xây dựng	490	421	69	0	418	0	72
6	Sở Khoa học và Công nghệ	15	15	0	3	15	0	0
7	Sở Y tế	985	926	59	4	821	0	164
8	Văn phòng UBND tỉnh (Lĩnh vực Ngoại vụ)	6	6	0	0	5	0	1
9	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.202	1.188	14	494	1.055	0	147
10	Sở Tài chính	421	376	45	0	371	0	50
11	Sở Công Thương	6.731	6.722	9	6.100	6.727	0	4
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.680	2.588	92	0	2.559	0	121
13	Sở Giao thông vận tải	5.917	5.913	4	905	5.916	0	1
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	1.881	1.413	468	1	1.433	0	448
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	176	170	6	10	171	0	5
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.277	1.219	58	0	1.204	2	71
17	Ban Quản lý khu kinh tế	12	10	2	0	11	0	1
18	Ban Dân tộc	2	0	2	0	2	0	0
19	Công ty cổ phần Cấp nước Cà Mau	767	736	31	0	746	0	21
20	Công ty Điện lực Cà Mau	197	194	3	0	185	0	12


TT	Đơn vị	Số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ xử lý đúng và trước hạn	Hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn hạn xử lý
21	Công an tỉnh	5.675	4.871	804	0	2.578	0	3.097
22	Bảo hiểm xã hội	126.703	123.095	3.608	96.384	124.545	0	2.158
Tổng		159.095	153.739	5356	104.435	152.688	2	6.405

II. CẤP HUYỆN

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn hạn xử lý
1	Thành phố Cà Mau	15.415	14.870	545	0	14.655	0	760
2	Huyện Ngọc Hiển	1.098	1.060	38	0	1.074	0	24
3	Huyện U Minh	3.167	3.054	113	0	2.922	0	245
4	Huyện Đầm Dơi	7.400	7.051	349	0	6.870	0	530
5	Huyện Phú Tân	4.467	3.939	528	0	3.695	1	771
6	Huyện Thới Bình	5.401	4.945	456	0	4.636	0	765
7	Huyện Cái Nước	3.475	3.318	157	0	3.133	0	342
8	Huyện Năm Căn	2.579	2.411	168	0	2.366	5	208
9	Huyện Trần Văn Thời	7.271	6.555	716	0	6.180	1	1.090
Tổng		50.273	47.203	3.070	0	45.531	7	4.735

III. CẤP XÃ

STT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Số hồ sơ còn hạn xử lý
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3=4+5</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>
I	Thành phố Cà Mau	21.285	21.207	78	0	21.187	21	77
1	Xã Hòa Thành	364	360	4	0	353	0	11
2	Xã Lý Văn Lâm	798	789	9	0	787	3	8



STT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ báo cáo	Số hồ sơ tồn chuyển sang	Số hồ sơ nộp trực tuyến	Số hồ sơ xử lý đúng hạn	Số hồ sơ xử lý trễ hạn	Số hồ sơ còn hạn xử lý
5	Xã Tân Hưng	813	813	0	0	813	0	0
6	Xã Hưng Mỹ	911	910	1	0	909	0	2
7	Xã Tân Hưng Đông	531	523	8	0	521	2	8
8	Xã Trần Thới	1.317	1.316	1	0	1.312	2	3
9	Xã Đông Thới	874	858	16	0	874	0	0
10	Xã Hòa Mỹ	497	496	1	0	495	1	1
11	Xã Đông Hưng	1.300	1.300	0	0	1.299	0	1
VIII	Huyện Năm Căn	2.886	2.882	4	0	2.848	1	37
1	Thị trấn Năm Căn	1.051	1.051	0	0	1.020	0	31
2	Xã Hàm Rồng	420	418	2	0	419	0	1
3	Xã Đất Mới	166	166	0	0	166	0	0
4	Xã Hàng Vịnh	262	262	0	0	262	0	0
5	Xã Hiệp Tùng	21	19	2	0	20	0	1
6	Xã Tam Giang	220	220	0	0	220	0	0
7	Xã Tam Giang Đông	429	429	0	0	424	1	4
8	Xã Lâm Hải	317	317	0	0	317	0	0
IX	Huyện Trần Văn Thời	5.666	5.608	58	0	5.512	14	140
1	Thị trấn Trần Văn Thời	428	415	13	0	424	0	4
2	Thị trấn Sông Đốc	1.752	1.745	7	0	1.741	4	7
3	Xã Phong Lạc	83	80	3	0	54	5	24
4	Xã Phong Điền	513	511	2	0	510	0	3
5	Xã Lợi An	658	657	1	0	658	0	0
6	Xã Khánh Lộc	600	595	5	0	547	2	51
7	Xã Khánh Hải	168	161	7	0	153	1	14
8	Xã Khánh Hưng	139	139	0	0	135	1	3
9	Xã Trần Hội	303	298	5	0	291	0	12
10	Xã Khánh Bình	91	91	0	0	79	0	12
11	Xã Khánh Bình Tây Bắc	259	259	0	0	259	0	0
12	Xã Khánh Bình Tây	376	376	0	0	375	0	1
13	Xã Khánh Bình Đông	296	281	15	0	286	1	9
	Tổng	69.901	69.389	512	0	69.244	63	594



Phụ lục 3

BẢNG SỐ LIỆU CHI TIẾT KẾT QUẢ SỬ DỤNG PHẦN MỀM IOFFICE VÀ TRANG TTĐT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 162 /BC-UBND ngày 14 /6/2022 của UBND tỉnh Cà Mau)

STT	Tên cơ quan	Văn bản đến		Tỷ lệ	Văn bản đi		Tỷ lệ	Tỷ lệ CB, CC, VC sử dụng PM iOffice thường xuyên	Hoạt động Cổng/Trang TTĐT					
		Thực tế	iOffice		Thực tế	iOffice			Tỷ lệ	Tin tức, sự kiện, tin, bài, hình ảnh	Thông tin chỉ đạo, điều hành	Lịch làm việc của lãnh đạo (Hàng tuần)	Số TTHC đăng tải (do đơn vị báo cáo)	Số TTHC công bố (do đơn vị báo cáo)
I	CẤP TỈNH	112,603	112,603	100%	39,224	39,224	100%	100%	2,018	1,451		1,536	1,545	1,538
1	Văn phòng UBND tỉnh	20041	20041	100%	7572	7572	100%	100%	93	45	Đăng đầy đủ			
2	Sở Nội vụ	5420	5420	100%	1468	1468	100%	100%	86	32	Đăng đầy đủ	113	113	113
3	Sở Tư pháp	4632	4632	100%	1657	1657	100%	100%	205	160	Đăng đầy đủ	119	128	119
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7985	7985	100%	1769	1769	100%	100%	193	1	Đăng đầy đủ	115	115	115
5	Sở Tài chính	9011	9011	100%	3061	3061	100%	100%	92	58	Đăng đầy đủ	36	36	36
6	Sở Công Thương	4415	4415	100%	1460	1460	100%	100%	9	11	Đăng đầy đủ	115	115	115
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5892	5892	100%	3100	3100	100%	100%	120	20	Đăng đầy đủ	107	107	107
8	Sở Giao thông Vận tải	4560	4560	100%	1993	1993	100%	100%	48	20	Đăng đầy đủ	115	115	115
9	Sở Xây dựng	5410	5410	100%	1842	1842	100%	100%	82	4	Đăng đầy đủ	59	59	59
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	6754	6754	100%	2680	2680	100%	100%	65	146	Đăng đầy đủ	109	109	109
11	Sở Lao động, TB & Xã	7324	7324	100%	2274	2274	100%	100%	31	100	Đăng đầy đủ	131	131	131

STT	Tên cơ quan	Văn bản đến		Tỷ lệ	Văn bản đi		Tỷ lệ	Tỷ lệ CB, CC, VC sử dụng PM iOffice thường xuyên	Hoạt động Công/Trang TTĐT					
		Thực tế	iOffice		Thực tế	iOffice			Tỷ lệ	Tin tức, sự kiện, tin, bài, hình ảnh	Thông tin chỉ đạo, điều hành	Lịch làm việc của lãnh đạo (Hàng tuần)	Số TTHC đăng tải (do đơn vị báo cáo)	Số TTHC công bố (do đơn vị báo cáo)
	hội													
12	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4891	4891	100%	1786	1786	100%	100%	311	298	Đăng đầy đủ	126	126	126
13	Sở Khoa học & Công nghệ	2818	2818	100%	1127	1127	100%	100%	113	119	Đăng đầy đủ	57	57	57
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	3723	3723	100%	1681	1681	100%	100%	222	104	Đăng đầy đủ	82	82	82
15	Sở Y tế	8996	8996	100%	2900	2900	100%	100%	73	60	Đăng đầy đủ	161	161	158
16	Sở Thông tin và Truyền thông	4429	4429	100%	1018	1018	100%	100%	39	13	Đăng đầy đủ	38	38	38
17	Thanh Tra tỉnh	2330	2330	100%	644	644	100%	100%	168	47	Đăng đầy đủ	9	9	10
18	Ban Dân tộc	2082	2082	100%	466	466	100%	100%	59	20	Đăng đầy đủ	2	2	2
19	Ban Quản lý Khu kinh tế	1890	1890	100%	726	726	100%	100%	9	193	Đăng đầy đủ	42	42	46
II	CẤP HUYỆN	231,673	229,322	99%	61,501	60,491	98%	100%	1,121	566		3,024	3,024	3,095
1	Thành phố Cà Mau	35,117	35,111	100%	11,548	11,548	100%	100%	80	119	Đăng đầy đủ	309	309	337
2	Huyện Cái Nước	15,750	15,404	98%	3,969	3,788	95%	100%	135	42	Đăng đầy đủ	347	347	347
3	Huyện Năm Căn	23,745	23,292	98%	5,016	4,752	95%	100%	171	90	Đăng đầy đủ	346	346	346



STT	Tên cơ quan	Văn bản đến		Tỷ lệ	Văn bản đi		Tỷ lệ	Tỷ lệ CB, CC, VC sử dụng PM iOffice thường xuyên	Hoạt động Công/Trang TTĐT					
		Thực tế	iOffice		Thực tế	iOffice			Tỷ lệ	Tin tức, sự kiện, tin, bài, hình ảnh	Thông tin chỉ đạo, điều hành	Lịch làm việc của lãnh đạo (Hàng tuần)	Số TTHC đăng tải (do đơn vị báo cáo)	Số TTHC công bố (do đơn vị báo cáo)
4	Huyện Thới Bình	21,832	21,234	97%	5,272	5,228	99%	100%	48	25	Đăng đầy đủ	348	348	348
5	Huyện Đầm Dơi	36,166	35,431	98%	10,398	9,955	96%	100%	130	35	Đăng đầy đủ	324	324	324
6	Huyện Phú Tân	29,401	29,400	100%	7,211	7,207	100%	98%	236	119	Đăng đầy đủ	303	303	346
7	Huyện Trần Văn Thời	25,438	25,319	100%	6,812	6,744	99%	100%	105	19	Đăng đầy đủ	345	345	345
8	Huyện U Minh	22,737	22,644	100%	6,693	6,687	100%	100%	101	65	Đăng đầy đủ	351	351	351
9	Huyện Ngọc Hiển	21,487	21,487	100%	4,582	4,582	100%	100%	115	52	Đăng đầy đủ	351	351	351
III	CẤP XÃ	186,869	183,648	98%	29,976	26,212	87%	97%						
1	Xã, phường thuộc thành phố Cà Mau	26,623	26,623	100%	4,458	4,458	100%	100%						
2	Xã, thị trấn thuộc huyện Năm Căn	14,715	14,403	98%	2,789	2,188	78%	95%						
3	Xã, thị trấn thuộc huyện Cái Nước	14,192	13,987	99%	2,784	2,671	96%	100%						
4	Xã, thị trấn thuộc huyện Thới Bình	19,134	18,894	99%	2,209	1,418	64%	96%						

STT	Tên cơ quan	Văn bản đến		Tỷ lệ	Văn bản đi		Tỷ lệ	Tỷ lệ CB, CC, VC sử dụng PM iOffice thường xuyên	Hoạt động Công/Trang TTĐT					
		Thực tế	iOffice		Thực tế	iOffice			Tỷ lệ	Tin tức, sự kiện, tin, bài, hình ảnh	Thông tin chỉ đạo, điều hành	Lịch làm việc của lãnh đạo (Hàng tuần)	Số TTHC đăng tải (do đơn vị báo cáo)	Số TTHC công bố (do đơn vị báo cáo)
5	Xã, thị trấn thuộc huyện Đầm Dơi	40,269	37,949	94%	7,937	5,922	75%	96%						
6	Xã, thị trấn thuộc huyện Phú Tân	21,327	21,258	100%	3,210	3,157	98%	100%						
7	Xã, thị trấn thuộc huyện Trần Văn Thời	22,943	22,908	100%	3,162	3,054	97%	92%						
8	Xã, thị trấn thuộc huyện U Minh	15,861	15,821	100%	1,538	1,455	95%	96%						
9	Xã, thị trấn thuộc huyện Ngọc Hiển	11,805	11,805	100%	1,889	1,889	100%	100%						



Phụ lục 4
THỐNG KÊ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU
ĐƯỢC GIAO TẠI KẾ HOẠCH CCHC NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số: 162 /BC-UBND ngày 14 /6/2022
của UBND tỉnh Cà Mau)

TT	Nhiệm vụ	Kế hoạch năm	Thực hiện đến 30/5/2022	Ghi chú
01	Thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	100%	100%	Đạt
02	Tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia	Tối thiểu 80%	100%	Vượt chỉ tiêu
03	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến (không bao gồm hồ sơ của các cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương)	Từ 20% trở lên	- Cấp tỉnh: 43,46%; - Cấp huyện, xã: 0%	- Cấp tỉnh: Vượt chỉ tiêu; - Cấp huyện, xã: Đang thực hiện
04	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính	- Cấp tỉnh: 50%; - Cấp huyện: 40%; - Cấp xã 35%	- Cấp tỉnh: 21,96%; - Cấp huyện: 11%; - Cấp xã: 2,02%	Đang thực hiện
05	Thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến	Ít nhất 60%	37/71 thủ tục hành chính, đạt 52,11%	Đang thực hiện
06	Giảm biên chế công chức (51 biên chế) so với năm 2021	Tối thiểu 2,5%	Tăng 07 biên chế do Bộ Nội vụ giao bổ sung của VP Đoàn Đại biểu Quốc hội	Đang thực hiện
07	Giảm các đơn vị sự nghiệp công lập bình quân cả tỉnh so với năm 2021	2,5% đơn vị đầu mối (15 đơn vị)	1,49% đơn vị đầu mối (09 đơn vị)	Đang thực hiện

TT	Nhiệm vụ	Kế hoạch năm	Thực hiện đến 30/5/2022	Ghi chú
08	Giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021	2,5% (505 biên chế)	1,8% (giảm 364 biên chế)	Đang thực hiện
09	Phân đầu có thêm đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ mức chi thường xuyên, mức đảm bảo một phần chi thường xuyên	Thêm đơn vị sự nghiệp tự chủ so với năm 2021	Chưa có	Đang thực hiện
10	Hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng	- Cấp tỉnh: 80%; - Cấp huyện: 70%; - Cấp xã: 50%	- Cấp tỉnh: 100%; - Cấp huyện: 98%; - Cấp xã: 87%	Vượt chỉ tiêu
11	Hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP)	30%	15%	Đang thực hiện
12	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	20%	16/18 cơ quan chuyên môn thực hiện, đạt 88,89%	Vượt chỉ tiêu